

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PH
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10/2022/HS-ST**

Ngày: 22/3/2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH, TỈNH PHÚ YÊN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Nhật.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Phạm Chính;

- Ông Trần Văn Phương.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Phan Công Đồ – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên mở phiên tòa xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 39/2021/TLST-HS ngày 25/11/2021; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 02 năm 2022, đối với các bị cáo:

1. Võ Văn K, sinh năm 1994. Nơi cư trú: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 08/12. Con ông Võ Văn K1, sinh năm 1968 và bà Đỗ Thị Ái L, sinh năm 1974; anh, em ruột 02 người, sinh năm 1992 và 1997; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Trần Phước L, sinh năm 1991. Nơi cư trú: Thôn A, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Thợ hồ. Trình độ học vấn: 10/12. Con ông Trần Anh T, sinh năm 1971 và bà Lê Thị Bích T1, sinh năm 1973; có 01 em ruột sinh năm 1997; vợ Lê Thị Tuyết N, sinh năm 1990; có 01 con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

3. Trần Thanh T, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Thợ sơn. Trình độ học vấn: 09/12. Con ông Trần Quốc B, sinh năm 1950 và bà Lê Thị C, sinh năm 1954; Anh, chị ruột 03 người, lớn nhất sinh năm 1978, nhỏ nhất sinh năm 1985; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

- Người làm chứng:

+ Anh Trần Kim Kh, sinh năm 1993; trú ở: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

+ Anh Lê Trọng D, sinh năm 1994; trú ở: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

+ Anh Bùi Xuân T, sinh năm 1991; trú ở: Thôn A, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

+ Anh Phan Xuân N, sinh năm 1991; trú ở: Thôn Đ, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt.

+ Bà Đỗ Thị Ái L, sinh năm 1974; trú ở: Thôn P, xã H, huyện P, tỉnh Phú Yên. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 18/3/2021, Võ Văn K gặp một người phụ nữ (không xác định được tên, tuổi, địa chỉ) tại thành phố Hồ Chí Minh mua 12 đoạn ống nhựa màu trắng được hàn kín hai đầu, bên trong chứa Methamphetamine (ma túy đá) với số tiền 2.000.000 đồng. Đến khoảng 6 giờ 30 phút ngày 19/3/2021, K đem số ma túy nói trên về tỉnh Phú Yên và gọi điện thoại cho Trần Phước L điều khiển xe mô tô đến chở K về nhà của L ở thôn A, xã H, huyện P. Tại đây K lấy ra dụng cụ nỏ, 02 đoạn ống nhựa chứa ma túy rồi rủ L sử dụng thì L đồng ý và bảo K cùng đến phòng bếp nhà L để sử dụng. Đến trưa cùng ngày L đi làm thợ hồ nên K gọi điện thoại nhờ Trần Kim Kh điều khiển xe mô tô chở K đến nhà của Trần Thanh T ở thôn V, xã H, huyện P chơi thì gặp T với Lê Trọng D đang ngồi uống bia tại nhà T nên K và Kh vào cùng uống bia. K lấy ra ma túy đá và rủ T, Kh, D cùng sử dụng, tất cả đồng ý. T đi lấy nỏ, kéo bấm chỉ, quẹt ga đốt ma túy rồi cùng sử dụng hết 03 đoạn ống nhựa chứa ma túy. Khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày, Kh chở K về lại nhà của L, còn Kh đi về nhà của mình. Tại nhà L lúc này có Bùi Xuân T và Phan Xuân N đang ngồi uống cà phê thì K rủ L, T, N dùng ma túy đá, tất cả đồng ý. L sử dụng địa điểm phòng bếp nhà mình để K, T, N cùng với L dùng hết 03 đoạn ống nhựa chứa ma túy. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, K nhờ L chở về nhà của K, trên đường đi K cất giấu 04 đoạn ống nhựa chứa ma túy đá vào bụi cây gần nhà L. Thấy K có biểu hiện ngáo đá nên bà Đỗ Thị Ái L (mẹ ruột K) báo cáo sự việc đến Công an xã H.

Tại Kết luận giám định số 72/GĐ-PC09 ngày 25/3/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Phú Yên kết luận: Tinh thể màu trắng trong 04 đoạn ống nhựa hàn kín (ký hiệu A₁=0,151g; A₂=0,116g; A₃ 0,085g; A₄=0,083g) là ma túy, có tổng khối lượng 0,435g, loại Methamphetamine.

Tại bản Cáo trạng số 33/CT-VKSPH ngày 22/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên đã truy tố bị cáo Võ Văn K về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự (BLHS) và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 BLHS; bị cáo Trần Phước L về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 BLHS; bị cáo Trần Thanh T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản Cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) tuyên bị cáo Võ Văn K phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; bị cáo Trần Phước L và Trần Thanh T phạm tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS đối với bị cáo Võ Văn K, xử phạt bị cáo Võ Văn K từ 01 năm 03 tháng đến 01 năm 06 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án; từ 08 năm đến 09 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án và đề nghị áp dụng Điều 55 BLHS tổng hợp hình phạt đối với bị cáo Võ Văn K theo quy định.

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo Trần Phước L từ 06 năm đến 06 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 54 BLHS xử phạt bị cáo Trần Thanh T từ 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Đối với Trần Kim Kh, Lê Trọng D, Bùi Xuân T và Phan Xuân N sử dụng trái phép chất ma túy với Võ Văn K, Trần Phước L, Trần Thanh T nhưng hành vi của Kh, D, T, N không đồng phạm với K, L, T nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện PH xử phạt vi phạm hành chính.

Đối với người phụ nữ bán ma túy cho Võ Văn K tại Tp. Hồ Chí Minh nhưng không xác định được tên, tuổi, địa chỉ nên không có cơ sở xử lý.

Về phần dân sự: Không ai có yêu cầu gì nên đề nghị HĐXX không xét.

Về phần vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 BLHS năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS) 2015, tịch thu tiêu hủy: 0,227g Methamphetamine còn lại sau giám định; 01 cái phễu bằng thủy tinh dài 7,5cm, đường kính 0,5cm, hai đầu ống rộng; 02 ống hút nhựa màu trắng, trong suốt, dài 15,5cm, đường kính 0,5cm; 01 ống hút nhựa màu trắng, trong suốt, dài 17cm, đường kính 0,5cm; 01 ống hút nhựa dài 14cm, đường kính 0,5cm; 01 cái bình thủy tinh cao 11cm, đường kính đáy bình 4,7cm, trên miệng bình gắn 01 ống

hút; 01 cái kéo bấm chỉ màu đỏ, kích thước (10,6x2)cm; 01 cái bật lửa màu đỏ điện (7,5x2,3x1)cm là các công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Các bị cáo khai nhận tội như đã khai tại Cơ quan điều tra, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng truy tố là đúng, không oan và xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

[1] Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện PH, tỉnh Phú Yên, Điều tra viên, của Viện kiểm sát nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, tại phiên tòa đều phù hợp với nhau, phù hợp biên bản thu giữ vật chứng, kết luận giám định có trong hồ sơ vụ án, phù hợp với lời khai của người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, làm rõ tại phiên tòa, nên đủ cơ sở kết luận: Ngày 19/3/2021, tại nhà Trần Phước L ở thôn A, xã H, huyện PH, Võ Văn K cùng L tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy loại Methamphetamine, sau đó L, K còn tổ chức cho Bùi Xuân T, Phan Xuân N sử dụng trái phép chất ma túy tại nhà của L; cùng ngày 19/3/2021 K và Trần Thanh T tổ chức cho Trần Kim Kh, Lê Trọng D sử dụng ma túy tại nhà T ở thôn V, xã H, huyện PH. Ngoài ra, K còn có hành vi tàng trữ 0,435g ma túy loại Methamphetamine. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện PH truy tố bị cáo Võ Văn K theo quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 249 và điểm a, b khoản 2 Điều 255 BLHS; bị cáo Trần Phước L theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 BLHS; bị cáo Trần Thanh T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 BLHS là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý nhà nước về các chất ma túy mà còn xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Mặc dù các bị cáo nhận thức được ma túy không những gây tác hại lớn cho sức khỏe của bản thân mà còn làm ảnh hưởng đến sự phát triển lành mạnh cho các thế hệ sau này, là gánh nặng cho gia đình, xã hội và là nguyên nhân phát sinh các tệ nạn xã hội khác nhưng vì mục đích sử dụng cho bản thân, các bị cáo K, L, T đã bất chấp pháp luật, tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo cần phải xử lý nghiêm, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

- Đối với bị cáo Võ Văn K là có vai trò chính, người khởi xướng, trực tiếp mua ma túy và chủ động rủ bị cáo L, T và người khác tổ chức sử dụng và sử

dụng ma túy, ngoài ra bị cáo còn cất giấu số ma túy còn lại (0,435g) để tránh sự phát hiện của người khác. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án nghiêm và cao hơn các bị cáo khác tương xứng với vai trò của bị cáo gây ra.

- Đối với bị cáo Trần Phước L là những người giúp sức tích cực cho bị cáo K, khi nghe bị cáo K rủ rê tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy thì bị cáo đã đồng ý ngay, chuẩn bị địa điểm tổ chức sử dụng là phòng bếp của nhà mình, tổ chức sử dụng cho bị cáo K vào buổi sáng thì ngay chiều cùng ngày tiếp tục tổ chức cho nhiều người khác sử dụng chất ma túy. Do đó, cần xử phạt bị cáo mức án cao hơn bị cáo T nhưng thấp hơn bị cáo K.

- Đối với bị cáo Trần Thanh T là người giúp sức, chuẩn bị các dụng cụ sử dụng ma túy như nỏ, kéo bấm chỉ, bật lửa và bị cáo 01 lần tổ chức cho hơn 03 người khác sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó, cần xử phạt bị cáo T mức án nhẹ hơn mức án của các bị cáo K, L.

Xét trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đều có nhân thân tốt chưa có tiền án, tiền sự nên các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS; đối với bị cáo L, bị cáo T xét mức độ hành vi, sử dụng chính nhà ở của mình nên được vận dụng với hai tình tiết thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và được áp dụng Điều 54 BLHS xử phạt hai bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt để các bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, phấn đấu cải tạo thành công dân tốt.

HĐXX thống nhất với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc không xử lý trách nhiệm đối với Trần Kim Kh, Lê Trọng D, Bùi Xuân T, Phan Xuân N và người bán ma túy liên quan trong vụ án này.

[4] Về phần dân sự: Không ai có yêu cầu gì nên HĐXX không xét.

[5] Về xử lý vật chứng vụ án: Căn cứ Điều 47 BLHS năm 2015, Điều 106 BLTTHS 2015, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về đề xuất xử lý vật chứng của vụ án là phù hợp nên HĐXX thống nhất.

[6] Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Võ Văn K phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”; các bị cáo Trần Phước L, Trần Thanh T phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 55 BLHS đối với bị cáo Võ Văn K.

Xử phạt bị cáo **Võ Văn K 01** (Một) năm **03** (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; **07** (Bảy) năm **09** (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Buộc bị cáo Võ Văn K phải chấp hành hình phạt chung là **09** (Chín) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 BLHS đối với bị cáo Trần Phước L.

Xử phạt bị cáo **Trần Phước L 05** (Năm) năm **06** (Sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 BLHS đối với bị cáo Trần Thanh T.

Xử phạt bị cáo **Trần Thanh T 04** (Bốn) năm **09** (Chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án.

Về xử lý vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 47 BLHS năm 2015, Điều 106 BLTTHS 2015.

Tịch thu tiêu hủy: 0,227g Methamphetamine còn lại sau giám định; 01 cái phễu bằng thủy tinh dài 7,5cm, đường kính 0,5cm, hai đầu ống rộng; 02 ống hút nhựa màu trắng, trong suốt, dài 15,5cm, đường kính 0,5cm; 01 ống hút nhựa màu trắng, trong suốt, dài 17cm, đường kính 0,5cm; 01 ống hút nhựa dài 14cm, đường kính 0,5cm; 01 cái bình thủy tinh cao 11cm, đường kính đáy bình 4,7cm, trên miệng bình gắn 01 ống hút; 01 cái kéo bấm chỉ màu đỏ, kích thước (10,6x2)cm; 01 cái bật lửa màu đỏ diện (7,5x2,3x1)cm là các công cụ phạm tội, không còn giá trị sử dụng.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 22/11/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện PH và Chi cục Thi hành án dân sự huyện PH).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các bị cáo Võ Văn K, Trần Phước L, Trần Thanh T mỗi bị cáo phải chịu phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND H. PH;
- Công an H. PH;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên;
- THAHS;
- THADS;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Minh Nhật

